

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU KHOA HỌC

ĐỀ TÀI CẤP BỘ NĂM 1999 - 2000

**ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ
CỦA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY -
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN**

Cơ quan chủ trì: Khoa Quản lý kinh tế

Chủ nhiệm: TS Kim Văn Chính

Thư ký: TS Nguyễn Hữu Thắng

HÀ NỘI - 2000

3859
2716101

NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN:

TS Kim Văn Chính- Chủ nhiệm đề tài

TS Nguyễn Hữu Thắng - Thư ký đề tài

Các thành viên:

- | | |
|--------------------------|-------------------------------------|
| 1. GS-TS Hồ Văn Vĩnh | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 2. PGS-TS Ngô Quang Minh | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 3. TS Đặng Ngọc Lợi | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 4. TS Nguyễn Quốc Thái | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 5. Th.S Nguyễn Văn Thanh | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 6. Th.S Đinh Xuân Hà | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 7. Th.S Trịnh Ái Hoa | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 8. NCS Trần Minh Châu | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 9. NCS Nguyễn Thị Hương | Khoa KTPT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 10.NCS Nguyễn Trọng Lân | Sở Thương mại Quảng Ninh |
| 11.CN Lê Văn Trung | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |

Các cộng tác viên:

- | | |
|---------------------|---|
| 1. Nguyễn Ngọc Toàn | Khoa QLKT Học viện CTQG Hồ Chí Minh |
| 2. Trần Phương Lan | Bộ Thương mại |
| 3. Ngô Hoài Anh | Trung tâm Thông tin tư liệu Học viện CTQG Hồ Chí Minh |

MỤC LỤC

<i>Nội dung</i>	<i>Tác giả</i>	<i>Trang</i>
• Lời nói đầu		ii
• Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và ảnh hưởng của nó tới CSTMQT trong giai đoạn hiện nay.....	<i>Kim Văn Chính Nguyễn Quốc Thái</i>	1
• Các điều kiện quy định của WTO về sử dụng các công cụ CSTMQT và thách thức khi áp dụng ở Việt Nam	<i>Ngô Quang Minh Kim Văn Chính</i>	22
• Một số vấn đề về CSTMQT của nước ta hiện nay.....	<i>Hồ Văn Vinh</i>	32
• Đặc điểm thương mại quốc tế trong kỉ nguyên kinh tế tri thức và thách thức trong hoạch định CSTMQT.....	<i>Nguyễn Ngọc Toàn</i>	45
• Căn cứ lí luận và thực tiễn của chính sách quốc gia về ngoại thương	<i>Trần Minh Châu</i>	53
• Chính sách thương mại quốc tế và vai trò của nó đối với phát triển kinh tế	<i>Trịnh ái Hoa</i>	66
• Các quan điểm của Đảng và Nhà nước trong đổi mới CSTMQT và cơ chế quản lý xuất nhập khẩu ở Việt Nam ..	<i>Nguyễn Hữu Thắng Kim Văn Chính</i>	73
• Quá trình đổi mới CSTMQT ở Việt Nam và một số bài học kinh nghiệm	<i>Nguyễn Hữu Thắng</i>	79
• Thực trạng và định hướng sử dụng các biện pháp thúc đẩy XNK ở Việt Nam	<i>Nguyễn Trọng Lân</i>	93
• Các biện pháp khuyến khích xuất khẩu của CSTMQT ở Việt Nam hiện nay.....	<i>Ngô Hoài Anh</i>	106
• Hoàn thiện chính sách thương mại để nền kinh tế nước ta chủ động hội nhập với khu vực và thế giới	<i>Nguyễn Văn Thanh</i>	116
• Những biện pháp phi thuế quan trong chính sách thương mại	<i>Đinh Xuân Hà</i>	122
• Có lợi gì khi dụng hạn ngạch bảo hộ sản xuất trong nước..	<i>Trịnh ái Hoa</i>	138
• Tỷ giá hối đoái với hoạt động của thương mại quốc tế.....	<i>Nguyễn Thị Hương</i>	143
• Một số phương hướng tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại ở nước ta hiện nay.....	<i>Lê Văn Trung</i>	160
• Đổi mới chính sách thương mại của Việt Nam trong xu hướng tự do hoá thương mại thế giới - lí luận và thực tiễn..	<i>Đặng Ngọc Lợi</i>	174
• Một số ý kiến về chính sách công nghiệp hoá, hướng vào xuất khẩu.....	<i>Trần Phương Lan</i>	188
• Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực về lựa chọn CSTMQT.....	<i>Nguyễn Trọng Lân</i>	214

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình đổi mới kinh tế theo hướng chuyển sang cơ chế thị trường và hội nhập quốc tế, CSTMQT của nước ta đã và đang có những thay đổi mạnh mẽ và toàn diện. Quan điểm đường lối của Đảng và Nhà nước ta về lĩnh vực này đã được thể hiện trong các Nghị quyết 01/BCT của Bộ Chính trị, Đại hội giữa nhiệm kỳ (khóa VII) và Đại hội VIII và Hội nghị BCHTW lần thứ 4 (khóa VIII). Các quan điểm của Đảng và nhà nước đã chỉ rõ định hướng CSTMQT của Việt Nam là "kiên trì chiến lược hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả". Sự lựa chọn chiến lược song hành giữa "hướng vào xuất khẩu" và "thay thế nhập khẩu" (mà rất nhiều nước đang phát triển thường khôn ngoan lựa chọn) là một bài toán khó đối với quá trình triển khai CSTMQT. Một mặt quá trình hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức khu vực (ASEAN/APEC) và quốc tế (đang nỗ lực để gia nhập Tổ chức thương mại quốc tế WTO) đòi hỏi tiến trình đổi mới CSTMQT theo hướng tự do hóa thương mại và đầu tư phải gia tăng tốc độ, mặt khác nhu cầu CNH - HĐH đất nước với phương châm chủ yếu dựa vào nội lực đòi hỏi cần bảo hộ những ngành nghề và lĩnh vực cần thiết với thời hạn và mức độ khác nhau. Chính tính chất hai mặt này làm cho việc đổi mới CSTMQT của Việt Nam rất phức tạp: phải liên tục thay đổi, thay đổi nhiều lần, đôi lúc thể thể hiện sự thiếu ăn khớp giữa thay đổi chính sách và thực tế áp dụng chính sách...

Hơn nữa, CSTMQT mặc dù chỉ là một bộ phận của chính sách kinh tế đối ngoại, nhưng trong điều kiện cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước nó có mối quan hệ trực tiếp đến các chính sách khác như chính sách đầu tư phát triển các ngành của nền kinh tế quốc dân (đặc biệt là ngành công nghiệp), chính sách cơ cấu kinh tế, chính sách lao động việc làm, chính sách tiền tệ, chính sách tài chính... Trong những năm đổi mới vừa qua, sự thiếu thống nhất, không đồng bộ giữa CSTMQT với các chính sách kinh tế vĩ mô khác có lý do bắt nguồn từ chỗ có nhiều cơ quan có trách nhiệm hoạch định và thực hiện CSTMQT chưa hiểu rõ và để ý giải quyết mối quan hệ nêu trên trên cơ sở vì lợi ích quốc gia. Mặt khác, các chính sách vĩ mô khác khi hoạch định và áp

dụng cũng thiếu sự chú ý sự tác động đến CSTMQT. Vấn đề này ngay về nhận thức lý luận ở nước ta còn có nhiều quan điểm rất khác nhau và được tuyên truyền, giảng dạy rất khác nhau.

Ngoài ra, CSTMQT là một hệ thống phức tạp bao gồm nhiều công cụ khác nhau do nhiều cơ quan nhà nước ban hành, thực hiện và khi áp dụng vào thực tế chúng tác động trực tiếp đến các đơn vị sản xuất - kinh doanh có liên quan. Do đó, một yêu cầu rất thực tiễn là quá trình, xu hướng đổi mới CSTMQT phải được tuyên truyền rộng rãi cho các ngành, các cấp và đặc biệt là cho các doanh nghiệp để họ định hướng chiến lược phát triển của đơn vị phù hợp với chính sách quốc gia. Hiện nay ở nước ta việc này làm rất yếu: cơ quan hoạch định CSTMQT hầu như chỉ vạch chính sách theo các áp lực đổi mới khác nhau. Việc tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh và các địa phương hầu như thiếu vắng cơ quan chịu trách nhiệm cụ thể và rất nhiều biện pháp chính sách được thực hiện rất chậm. Tình hình này nhiều khi có thể sẽ làm cho rất nhiều doanh nghiệp thiệt hại, chịu rủi ro cao chỉ vì thiếu hiểu biết về CSTMQT của nhà nước đã ban hành.

Tất cả những lý do nêu trên đòi hỏi phải có những công trình nghiên cứu dưới góc độ lý luận và phương pháp luận bổ sung cho những công trình đã nghiên cứu về CSTMQT, đáp ứng các yêu cầu về định hướng chính trị của Đảng và Nhà nước, những yêu cầu của hội nhập, có tác dụng góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạch định và triển khai CSTMQT. Đề tài "*Đổi mới CSTMQT của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay - Những vấn đề lý luận và phương pháp luận*" được tiến hành nghiên cứu nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết đó.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

CSTMQT là một đề tài được các nhà kinh tế và quản lý quan tâm ngay từ khi khoa học kinh tế bắt đầu tách ra thành một ngành khoa học độc lập và trong một số thời kỳ giữ vai trò trung tâm trong học thuyết kinh tế.

Cho đến nay, trải qua 3 thế kỷ, bức tranh nghiên cứu lý luận CSTMQT mặc dù đã rất phong phú, đa chiều, đa diện, đã hiện đại hóa cả trên góc độ thực chứng và góc độ chuẩn tắc để giải quyết những mục tiêu và các vấn đề đương đại của hoạt động TMQT nhưng chung quy lại vẫn là sự giằng co giữa 2 xu hướng: tự do hóa và bảo hộ. Rất nhiều nhà kinh tế (thường ở các nước

phát triển cao hoặc ở các quốc gia quy mô nhỏ có lợi thế trong mở cửa) ủng hộ triệt để lý thuyết TMQT tự do hóa. Trong khi đó nhiều nhà kinh tế (thường ở các nước bắt đầu công nghiệp hóa có quy mô dân số và thị trường vừa và lớn) lại ủng hộ lý thuyết thiên về bảo hộ. Vấn đề lý luận gây chú ý hiện nay không phải ở chỗ chứng minh về mặt lý thuyết cần phải lựa chọn kiểu chính sách nào (bảo hộ hay tự do hóa, hướng vào xuất khẩu hay thay thế nhập khẩu) mà chủ yếu là các vấn đề lựa chọn giải pháp cụ thể kết hợp giữa bảo hộ và tự do hóa tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng quốc gia đối với từng ngành cụ thể.

Ở Việt Nam, những nghiên cứu về CSTMQT đã được triển khai ở nhiều cấp độ, đã đạt được những kết quả nghiên cứu đáng kể, đóng góp to lớn vào quá trình đổi mới CSTMQT nói riêng và chính sách kinh tế nói chung. Có thể hình dung những công trình nghiên cứu về chủ đề này có năm loại. Loại thứ nhất được nghiên cứu thời kỳ trước đổi mới gắn liền với những tư tưởng ngoại thương của cơ chế kế hoạch hóa tập trung. Loại thứ hai thực hiện thời kỳ 1988 - 1995, gồm những công trình có tính chất lý thuyết là chính, chuyển tải những tư tưởng CSTMQT trong điều kiện kinh tế thị trường đã được khẳng định trên diễn đàn khoa học quốc tế. Loại thứ ba là những công trình nghiên cứu lý luận và chính sách phục vụ cho quá trình ban hành và triển khai Luật thương mại (1997) và Nghị định 57-1998/CP tháng 7/1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hóa với nước ngoài. Loại thứ tư liên quan đến các vấn đề hội nhập quốc tế và khu vực và ảnh hưởng của hội nhập đến CSTMQT của Việt Nam. Loại thứ năm chủ yếu nghiên cứu các chính sách thương mại và đầu tư cho các ngành hàng hoặc lĩnh vực cụ thể.

Tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi, các công trình nghiên cứu ở nước ta về lĩnh vực này ở một chừng mực đáng kể còn thiếu tính nhất quán và phần nào mang tính chấp vá, đối phó. Bản thân CSTMQT là một phạm trù động, thay đổi liên tục, có nội hàm rất rộng và phức tạp, hơn nữa CSTMQT là một chính sách đa ngành có mối liên quan đến các chính sách khác và có tác động toàn diện đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế quốc dân, do đó nó đòi hỏi phải có phương pháp tiếp cận nghiên cứu hệ thống để giải quyết. Các công trình nghiên cứu ở Việt Nam đến nay hoặc đã lạc hậu với sự phát triển của cuộc sống, hoặc mới chỉ giải quyết những mặt riêng biệt tùy theo mục đích nghiên cứu, hoặc chỉ chú trọng đến một số khía cạnh thực tiễn của vấn đề. Chúng tôi cho rằng, hiện nay và cả trong những năm sắp tới vẫn rất cần các

công trình nghiên cứu ở lĩnh vực này dưới góc độ lý luận, phương pháp luận để làm định hướng quan điểm cho các công trình nghiên cứu cụ thể.

3. Mục tiêu, nội dung và phương pháp nghiên cứu

Công trình nghiên cứu này có hai mục tiêu cơ bản sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của CSTMQT ở Việt Nam;
- Đề xuất những giải pháp cơ bản mang tính phương pháp luận về đổi mới hệ thống CSTMQT ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu trên, đề tài sử dụng kết cấu truyền thống 3 chương, tập trung giải quyết các nội dung cơ bản sau:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của CSTMQT

Chương 2: Quá trình đổi mới CSTMQT và tác động của nó đối với TMQT ở Việt Nam

Chương 3: Những khuyến nghị có tính định hướng nhằm tiếp tục đổi mới CSTMQT ở Việt Nam trong giai đoạn tới

Đề tài sử dụng phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu phổ biến như duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, tiếp cận hệ thống, phân tích, tổng hợp, so sánh.

HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA NÓ TỚI CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

TH: TS Kim Văn Chính
TS Nguyễn Quốc Thái

I. Bản chất và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

1. Khái niệm

Hội nhập kinh tế là sự gắn kết nền kinh tế của một nước vào các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu, trong đó các thành viên quan hệ với nhau theo những qui định chung. Sau chiến tranh thế giới thứ II đã xuất hiện các tổ chức, như Liên minh châu Âu, Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Từ những năm 1990 trở lại đây tiến trình này phát triển mạnh cùng với xu hướng toàn cầu hóa đời sống kinh tế, thể hiện ở sự xuất hiện nhiều tổ chức liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu.

Trước kia, khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế chỉ được hiểu đơn thuần là những hoạt động giảm thuế mở cửa thị trường. Chẳng hạn, Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) suốt trong 38 năm rông, qua 7 vòng đàm phán cũng chỉ tập trung vào đàm phán giảm thuế. *Hội nhập kinh tế quốc tế* ngày nay được hiểu là *việc một quốc gia thực hiện chính sách kinh tế mở, tham gia các định chế kinh tế - tài chính quốc tế, thực hiện tự do hóa và thuận lợi hóa thương mại, đầu tư*, bao gồm các lĩnh vực:

- Đàm phán cắt giảm thuế quan, tiến tới thực hiện thuế suất bằng 0 đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Giảm thiểu, tiến tới loại bỏ những hàng rào phi thuế quan gây cản trở đối với thương mại. Những biện pháp phi thuế phổ thông¹ cần được chuẩn mực hóa theo các qui định chung của WTO hoặc các thông lệ quốc tế và khu vực khác;
- Giảm thiểu các hạn chế đối với thương mại, dịch vụ, tức là tự do hóa

¹ Những biện pháp phi thuế phổ thông (NTM) hiện nay được hiểu là các biện pháp quản lý thương mại nằm trong khuôn khổ điều tiết của WTO, như giấy phép, tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh kiểm dịch, kiểm tra trước khi xếp hàng xuống tàu, định giá tính thuế hải quan, v.v.

hiện nay có khoảng 12 nhóm dịch vụ được đưa vào đàm phán, từ dịch vụ tư vấn giáo dục, tin học cho đến các dịch vụ ngân hàng, tài chính, viễn thông, giao thông vận tải, v.v.;

- Giảm thiểu các hạn chế đối với đầu tư để mở đường cho tự do hóa hơn nữa thương mại;

- Điều chỉnh chính sách quản lý thương mại theo những qui tắc và luật chơi chung quốc tế, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến giao dịch thương mại, như thủ tục hải quan, quyền sở hữu trí tuệ, chính sách cạnh tranh, v.v. Tại các diễn đàn quốc tế và khu vực hiện nay việc điều chỉnh và hài hòa các thủ tục hành chính liên quan đến giao dịch thương mại được gọi là hoạt động thuận lợi hóa thương mại;

- Triển khai những hoạt động hợp tác kinh tế, văn hóa, xã hội nhằm nâng cao năng lực của các nước trong quá trình hội nhập.

Như vậy có thể thấy, vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh hiện nay không chỉ đơn thuần giới hạn trong phạm vi cắt giảm thuế quan mà đã được mở rộng ra tất cả các lĩnh vực liên quan đến chính sách kinh tế - thương mại, nhằm mục tiêu mở cửa thị trường cho hàng hóa và dịch vụ, loại bỏ các rào cản hữu hình và vô hình đối với trao đổi thương mại.

2. Tính tất yếu

Hợp tác kinh tế giữa các quốc gia xuất hiện khi lực lượng sản xuất và phân công lao động đã phát triển đến một trình độ nhất định. Thoạt đầu là những hình thức đơn giản buôn bán song phương, sau mở rộng ra dưới dạng liên kết sản xuất - kinh doanh. Trong thời đại ngày nay, lực lượng sản xuất và công nghệ thông tin đã và đang phát triển với một tốc độ nhanh chóng chưa từng thấy. Tình hình đó vừa đặt ra yêu cầu, vừa tạo ra khả năng tổ chức lại thị trường trong phạm vi toàn cầu.

Nhu cầu tổ chức lại thị trường trong phạm vi toàn thế giới trước hết bắt nguồn từ các nước công nghiệp phát triển, do họ ở thế mạnh nên thường áp đặt các luật chơi. Các nước đang phát triển vừa có yêu cầu tự bảo vệ, vừa có yêu cầu phát triển nên cũng tham gia để bảo vệ và tranh thủ lợi ích cho mình, nhất là các nước đang tiến hành công nghiệp hóa. *Lợi ích ở đây là:* mở được thị trường cho hàng xuất khẩu, tiếp nhận vốn và công nghệ thông qua đầu tư trực

tiếp, nhờ đó tạo ra công ăn việc làm, đảm bảo tăng trưởng kinh tế, học tập được kinh nghiệm quản lý, v.v. Vì vậy, ngày nay hầu hết các nước trên thế giới đều thực hiện chính sách hội nhập (Ngay cả Trung Quốc, một nước có thị trường 1,2 tỉ dân, lớn hơn bất cứ một khu vực mậu dịch tự do nào, lại có khả năng tự sản xuất được gần như hầu hết mọi thứ, từ đơn giản đến phức tạp, nhưng vẫn kiên trì chủ trương hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Điều đó biểu hiện thông qua việc Trung Quốc kiên trì đàm phán gia nhập WTO trong suốt 14 năm).

Đương nhiên, *đối với những nước đang phát triển*, kinh tế còn yếu kém, doanh nghiệp còn bé nhỏ, sức cạnh tranh còn thấp, trình độ quản lý nhà nước và kinh doanh còn hạn chế thì *hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực không chỉ có cơ hội mà còn có cả khó khăn, thách thức, thậm chí khó khăn thách thức là lớn, nhưng nếu cứ đứng ngoài cuộc, khó khăn có thể còn lớn hơn nhiều*. Quyết định đúng đắn là: chủ động hội nhập gắn với chủ động điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy lợi thế so sánh, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý, cải cách hành chính, v.v., trên cơ sở đó mà phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng cơ hội để phát triển đất nước.

3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

Các nước trên thế giới đã và đang tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế dưới các hình thức phổ biến sau:

1. Tổ chức thương mại thế giới (WTO)

Đây là tổ chức mang tính toàn cầu (số thành viên hiện nay của WTO là 138 nước, khoảng 30 nước đang xin gia nhập). WTO định ra luật lệ chung cho thương mại quốc tế. Các thành viên WTO có nghĩa vụ tuân thủ tất cả các qui định của WTO, trong đó nổi bật là các quy định về không phân biệt đối xử giữa các thành viên, giảm dần bảo hộ bằng thuế quan, minh bạch hóa chính sách quản lý và chuẩn mực hóa một số qui tắc ứng xử thương mại, như chế độ cấp giấy phép xuất nhập khẩu. Qui tắc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm dịch, chính sách đầu tư, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, v.v.

Hiện nay Việt Nam đang trong quá trình đàm phán gia nhập WTO.

2. Khu vực mậu dịch tự do (FTA - Free Trade Area)

Những thành viên tham gia khu vực mậu dịch tự do sẽ thực hiện giảm thiểu thuế quan cho nhau. Việc thành lập khu vực mậu dịch tự do nhằm thúc